

Số: 3814/QĐ-UBND

Uông Bí, ngày 17 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị hiện hành (Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội); Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Nghị định 72/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng và Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050";

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Uông Bí đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Uông Bí; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực Hồ Yên Trung (Phân Khu E) tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 05/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố;

Thông báo số 421/TB-UBND ngày 05/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí về việc chấp thuận chủ trương, nội dung đồ án Quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ



1/500 dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí

Ý kiến tham gia của các Sở, ngành: Công văn số 2932/SXD-QH ngày 16/07/2024 của Sở Xây dựng; Công văn số 3780/SGTVT-KHTC ngày 17/07/2024 của Sở Giao thông vận tải; Công văn số 4238/TNMT-QHKH ngày 17/07/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 319/BC-BQL ngày 17/07/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng về việc tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Sở ban ngành đối với đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật: QCVN07:2023/BXD; QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCVN 13592-2022;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 206/TTr-QLDT ngày 17/07/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, cụ thể như sau:

1. **Tên đồ án:** Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích

a. Vị trí, ranh giới

- Địa điểm: Khu Dốc Đỏ 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.

- Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

+ Tuyến đường dài $L = 0,519\text{km}$.

+ Điểm đầu tuyến: Đầu nối với đường Yên Tử tại Km0+195.

+ Điểm cuối tuyến: Tại cầu Dẻ Nâu.

b. Diện tích: $6.541,90\text{m}^2$ (0,6541ha).

3. Sự cần thiết

Dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí được đầu tư xây dựng với mục tiêu từng bước cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Uông Bí đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050.

4. Mục tiêu

- Thống nhất mặt bằng tuyến đường và xác định gianh giới quỹ đất hai bên

tuyến đường phục vụ công tác quản lý đất đai góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ cho nhu cầu và mục tiêu phát triển đô thị, nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất khu vực hành lang đường, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố trong tương lai, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch, đầu tư dự án và để làm căn cứ quản lý xây dựng đô thị.

- Hoàn thành cơ sở pháp lý nhằm tăng cường quản lý, thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

5. Quy mô xây dựng:

- Tuyến đường dài $L = 0,519\text{km}$;

+ Điểm đầu tuyến: Đầu nối với đường Yên Tử tại Km0+195; Cao độ +12,94m.

+ Điểm cuối tuyến: Tại cầu Dẻ Nâu; Cao độ +4,30m.

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo quy mô đường khu vực QCVN 07-2023, Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 40\text{km/h}$.

+ Bề rộng nền đường $B_{nền} = 11,50\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5\text{m}$ (Bao gồm cả rãnh tam giác).

+ Bề rộng lề đường $B_{lề} = 2 \times 2\text{ m}$.

+ Độ dốc mặt đường $I_m = 2\%$.

+ Độ dốc ngang lề đường $I_{lề} = 1,0\%$.

* Giải pháp thiết kế :

- Tổng số đỉnh chuyển hướng: 1 đỉnh.

- Cao độ điểm đầu +12,94m.

- Cao độ điểm cuối +4,3m.

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 7,49\%$.

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Độ dốc ngang lề đường $I_{lề} = 1,0\%$.

- Mái taluy đắp: 1/1,5.

- Mái taluy đào: 1/1.

- Độ mở rộng, siêu cao trong đường cong theo Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 13592-2022.

* Giải pháp nền đường

- Nền đắp: Đất đắp nền được đầm chặt $K=0,95-0,98$ tùy theo chiều sâu so với cao độ mặt đường. Nền đường ngay dưới lớp kết cấu áo đường phải được đầm chặt với $K \geq 0,98$ với chiều dày tối thiểu 50cm.

- Nền đào: Đào nền, đào khuôn, xáo xới và lu lèn với $K \geq 0,98$ với chiều dày



tối thiểu 30cm dưới đáy kết cấu áo đường. Mái taluy đào 1/1.

- Mặt đường: Loại mặt đường mềm, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa rải nóng Eyc $\geq 120\text{MPa}$. Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn Ptt= 100kN. Có 02 loại kết cấu mặt đường.

+ Kết cấu áo đường mở rộng: Kết cấu áo đường mềm mặt đường bê tông nhựa gồm các lớp: Bê tông nhựa C12,5 dày 7cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm; Cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm.

+ Kết cấu áo đường tăng cường: Bê tông nhựa C12,5 dày 7cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

- Công trình thoát nước ngang đường: Tải trọng tính toán đối với cầu và cống hộp KĐ 5m tính với tải trọng HL-93. Tần suất lũ thiết kế: Đối với cầu: P=1%; Nền đường, cống ngang đường: P = 4%.

- An toàn giao thông: Các công trình an toàn giao thông (vạch sơn, cọc tiêu, biển báo,...) bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

6. Quy hoạch sử dụng đất

a. Ranh giới đất của đường bộ

- Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào).

- Ranh giới đất của đường bộ, đất xây dựng công trình, đất bảo trì, bảo vệ đường bộ được giới hạn bởi các điểm: P1, P2, P3, P4P35 bên phải tuyến; và các điểm T1, T2, T3, T4.....T37 bên trái tuyến phần tuyến (chi tiết xem trong phần bản vẽ quy hoạch).

b. Tổng diện tích chiếm dụng đất: 6.541,90m² (0,6541ha). Trong đó:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất quy hoạch đường giao thông	3.933,60	61,05%
2	Đất quy hoạch HTKT	2.548,30	38,95%
Tổng cộng		6.541,90	100,00%

7. Quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật

7.1. Hệ thống thoát nước mặt

- Nguyên tắc quy hoạch thoát nước: Thoát nước theo phương pháp tự chảy, bố trí hệ thống rãnh ngang tuyến thu đón nước mặt đường để thoát sang hai bên tuyến. Rãnh ngang thoát nước phải đảm bảo lưu lượng thoát nước mặt và lưu vực hai bên tuyến đường.

7.2. Cống hộp qua đường

- Thiết kế cống hộp khẩu độ (5x2,85)m tại Km +505,23;

- Cống được xây dựng bằng BTCT M350 đá 1x2;
- Dốc dọc cống $i=0\%$, chiều rộng cống $L=5,8m$.

7.3. Cấp nước sinh hoạt

- Di chuyển đường ống cấp nước sinh hoạt HDPE D200 và ống HDPE D50 cấp nước cho các hộ dân hai bên tuyến đường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phối hợp với phòng Quản lý đô thị; UBND phường Phương Đông tổ chức công bố công khai quy hoạch; Triển khai lập, trình duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đảm bảo khớp nối hạ tầng lân cận; triển khai thi công các hạng mục công trình xây dựng theo quy hoạch;

- Phòng Quản lý đô thị thực hiện quản lý quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định của pháp luật về quản lý quy hoạch và xây dựng;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện quản lý quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định của pháp luật về đất đai;

- Phòng Tài chính kế hoạch tham mưu UBND thành phố bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện;

- UBND phường Phương Đông phối hợp với phòng Quản lý đô thị, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công bố công khai quy hoạch; quản lý chặt chẽ về đất đai, xây dựng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về trật tự xây dựng.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng HĐND & UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính- Kế hoạch; Giám đốc Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố; Chủ tịch UBND phường Phương Đông; Thủ trưởng các phòng, ban và đơn vị có liên quan của Thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Đạt

